

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 196/2024/DS-ST
Ngày: 08 - 7 - 2024
V/v tranh chấp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Yến Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Xuân Minh

Bà Lê Trường An

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trúc Linh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời tham gia phiên tòa: Bà Trần Hồng Cẩm - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 60/2024/TLST-DS ngày 18 tháng 01 năm 2024 về việc “Tranh chấp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 257/2024/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Dương Thị B – sinh năm 1971. (Xin vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp N, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Bà Phạm Mỹ N – sinh năm 1961. (Xin vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp N, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là bà Dương Thị B trình bày: Bà giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đơn khởi kiện đã nộp, cụ thể các dây hụi như sau:

- Ngày 25/01/2015 âm lịch, bà Phạm Mỹ N là chủ hụi có mở dây hụi loại 5.000.000 đồng, hụi mùa mỗi năm khai 02 lần, dây hụi gồm có 17 chung, bà tham gia 02 chung, hụi đã mãn. Tổng 02 chung là 150.000.000 đồng, trừ hụi tháng bà tham gia trước đó là 60.000.000 đồng và tiền cò là 5.000.000 đồng, còn lại 85.000.000 đồng.

- Ngày 25/7/2017 âm lịch, bà Phạm Mỹ N là chủ hụi có mở dây hụi loại 5.000.000 đồng, hụi mùa mỗi năm khai 02 lần, dây hụi gồm có 14 chung, bà tham gia 02 chung, bà hốt được 01 chung là 55.000.000 đồng, còn 01 chung chưa hốt là

65.000.000 đồng, cả 02 chung bà N đều chưa giao tiền cho bà, trừ tiền có 5.000.000 đồng và 2.000.000 đồng bà N đưa trước, còn lại là 103.000.000 đồng.

- Ngày 25/7/2018 âm lịch, bà Phạm Mỹ N là chủ hội có mở 02 dây hội loại 5.000.000 đồng, hội mùa mỗi năm khai 02 lần:

+ Dây hội thứ nhất gồm có 11 chung, bà tham gia 02 chung, bà chưa hót chung nào. Hội đã mãn nhưng bà N vẫn chưa giao tiền cho bà tổng số tiền là 90.000.000 đồng, trừ tiền có 5.000.000 đồng, còn lại 85.000.000 đồng.

+ Dây hội thứ hai gồm có 12 chung, bà tham gia 03 chung, bà đã hót 02 chung, bà N đã chung đủ; còn lại 01 chung chưa hót số tiền là 45.000.000 đồng, trừ tiền có 2.500.000 đồng, còn lại 42.500.000 đồng.

Nay bà yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà Phạm Mỹ N trả cho bà số tiền nợ hội tổng cộng là 315.500.000 đồng (Ba trăm mười lăm triệu năm trăm nghìn đồng), bà đồng ý bớt cho bà N 1.500.000 đồng, bà yêu cầu giải quyết buộc bà N trả cho bà số tiền 314.000.000 đồng (Ba trăm mười bốn triệu đồng).

Bị đơn là bà Phạm Mỹ N trình bày: Bà thừa nhận có làm chủ hội và bà Dương Thị B tham gia hội đúng như bà B trình bày, trong danh sách hội ghi tên Lâm Văn C là ghi tên chồng bà B nhưng thực tế giao dịch hội hoàn toàn do bà B thực hiện, ông C không có tham gia bất kỳ giao dịch hội nào, hiện bà còn nợ bà Dương Thị B số tiền hội đúng như bà B khởi kiện, nay bà đồng ý trả cho bà Dương Thị B số tiền nợ hội là 314.000.000 đồng (Ba trăm mười bốn triệu đồng), bà không có ý kiến gì khác.

* Các bên đương sự đã thống nhất được với nhau về số tiền nợ hội bà Phạm Mỹ N phải trả cho bà Dương Thị B số tiền là 314.000.000 đồng. Tuy nhiên, do bà N được miễn án phí và các bên không thoả thuận được án phí phải đóng. Do đó, yêu cầu Toà án đưa vụ án ra xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật và các đương sự chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ được pháp luật quy định. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị B, buộc bị đơn bà Phạm Mỹ N có nghĩa vụ trả cho bà B số tiền 314.000.000 đồng và xử lý án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Dương Thị B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà Phạm Mỹ N thanh toán tiền hội. Do đó, quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là “Tranh chấp hội” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà Phạm Mỹ N hiện đang cư trú tại xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết là phù hợp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng: Hai bên nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất toàn bộ nội dung về khoản nợ hụi, theo đó bị đơn bà Phạm Mỹ N thừa nhận nợ hụi và đồng ý trả cho nguyên đơn bà Dương Thị B số tiền hụi là 314.000.000 đồng như khởi kiện, đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Vì vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị B, buộc bị đơn bà Phạm Mỹ N có nghĩa vụ trả cho bà Dương Thị B số tiền nợ hụi là 314.000.000 đồng (Ba trăm mười bốn triệu đồng) như đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn T đề nghị là phù hợp.

[4] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị B nên bà B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bà B được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí khi bản án có hiệu lực. Bà Phạm Mỹ N được miễn án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Các điều 92, 147, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 468 và Điều 471 Bộ luật Dân sự; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biếu, phường; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị B đối với bị đơn bà Phạm Mỹ N.

Buộc bà Phạm Mỹ N có nghĩa vụ trả cho bà Dương Thị B số tiền là 314.000.000 đồng (Ba trăm mười bốn triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi chậm trả tương ứng với số tiền và thời gian chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

Bà Phạm Mỹ N được miễn án phí theo quy định.

Hoàn trả cho bà Dương Thị B số tiền tạm ứng án phí là 7.800.000 đồng (Bảy triệu tám trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0004424 ngày 18/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thờ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án

dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Trần Văn Thời
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án; án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Yến Phương